

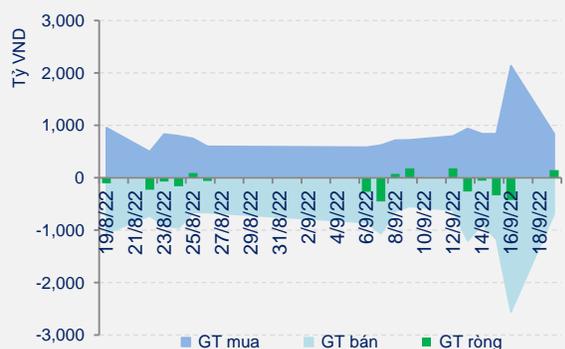
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/9/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,205.43	264.25
% Thay đổi	↓ -2.32%	↓ -3.16%
KLGD (CP)	667,832,895	91,417,976
GTGD (tỷ đồng)	16,690.40	2,009.59
Tổng cung (CP)	1,401,336,200	121,501,200
Tổng cầu (CP)	1,322,279,000	99,927,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	23,068,819	558,036
KL mua (CP)	24,398,819	275,608
GT mua (tỷ đồng)	836.93	6.34
GT bán (tỷ đồng)	688.08	15.91
GT ròng (tỷ đồng)	148.85	(9.56)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tiếp nối phiên giảm điểm vào thứ sáu tuần trước, thị trường chứng khoán Việt Nam lại tiếp tục giảm trong phiên đầu tuần này với mức giảm mạnh và thanh khoản khớp lệnh cũng gia tăng so với phiên giảm trước đó, tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Rõ ràng là áp lực bán đã gia tăng trong hai phiên gần đây.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 28,6 điểm (-2,32%) xuống 1.205,43 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE ở trạng thái rất tiêu cực với chỉ 64 mã tăng (1 mã tăng trần), 42 mã tham chiếu, có đến tận 399 mã giảm (61 mã giảm sàn). HNX-Index thậm chí còn giảm mạnh hơn với 8,63 điểm (-3,16%) xuống 264,25 điểm. Độ rộng trên sàn HNX cũng nghiêng hẳn về tiêu cực với 51 mã tăng (4 mã tăng trần), 34 mã tham chiếu, 162 mã giảm (23 mã giảm sàn).

Áp lực bán gia tăng về cuối phiên khiến các chỉ số thị trường đồng loạt kết phiên ở gần mức thấp nhất trong ngày.

Cổ phiếu chứng khoán là nhóm ngành giảm mạnh nhất trong phiên hôm nay với VCI (-6,9%), VIX (-6,7%), FTS (-7%), APG (-6,9%), BSI (-6,9%), CTS (-6,9%), ORS (-6,8%)... đều kết phiên tại mức giá sàn.

Nhóm cổ phiếu trụ cột thị trường là ngân hàng bị bán mạnh trong phiên hôm nay và là nguyên nhân chủ yếu đóng góp vào mức giảm của các chỉ số. Có thể kể đến các mã như VPB (-2,1%), STB (-3,8%), MBB (-3,7%), SHB (-5,1%), TCB (-2,6%), VCB (-1,5%)...

Nhóm vốn hóa lớn thuộc VN30 (-1,83%) tuy có mức giảm ít hơn thị trường nhưng sắc đỏ cũng chiếm chủ đạo với 27/30 mã giảm (1 mã giảm sàn). Một số mã giảm mạnh đáng chú ý như GVR (-6,9%), POW (-5,3%), BVH (-5,2%), TPB (-4,9%), PDR (-4,7%)...

Khối ngoại mua ròng phiên thứ hai liên tiếp trên HOSE với giá trị ròng đạt 148,36 tỷ đồng. Mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất là HPG với 21,6 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là DGW với 38,8 tỷ đồng tương ứng với 408 nghìn cổ phiếu và VNM với 29,4 tỷ đồng tương ứng với 390 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VND là mã chứng khoán bị bán ròng mạnh nhất với 21,6 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu.

Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 từ 6,38 điểm đến 8,88 điểm, cho thấy các nhà giao dịch đang nghiêng về khả năng thị trường có thể tiếp tục điều chỉnh nhưng với dự địa hiện tại không còn nhiều.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/9/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-INDEX giảm phiên thứ hai liên tiếp với mức giảm mạnh, qua đó xuyên thủng ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật quanh 1.235 điểm (MA50 ngày). Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay có sự gia tăng so với phiên giảm trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất cho thấy áp lực bán ra đang có gia tăng so với trước đó.

Trên góc nhìn ngắn hạn, với phiên giảm mạnh hôm nay, VN-INDEX đã kết phiên dưới gần như toàn bộ các ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật đáng chú ý, lần lượt là 1.235 điểm (MA50 ngày), 1.240 điểm (MA100 ngày), 1.255 điểm (MA20 ngày) và 1.355 điểm (MA200 ngày). Điều này khiến xu hướng của thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực trong cả ngắn, trung và dài hạn nếu xét theo tiêu chuẩn các đường trung bình di động.

Tuy nhiên, nếu xét trên chỉ báo động lượng RSI (14 ngày) thì hiện tại đang ở gần ngưỡng quá bán (<30). Do đó, thị trường có thể sẽ sớm tìm được điểm cân bằng quanh ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.200 điểm và hồi phục trở lại từ đây nếu lực cầu bắt đáy trong các phiên tiếp theo đủ tốt.

Trên góc nhìn dài hạn hơn, chúng tôi đánh giá đỉnh của sóng hồi phục b trước đó trong khoảng 1.285-1.315 điểm tạo thành vào đầu tháng 6/2022 là vùng kháng cự mạnh và vùng đáy quanh ngưỡng 1.140 điểm vào đầu tháng 7/2022 là hỗ trợ mạnh của thị trường trong thời gian tới. Do đó, xu hướng chủ đạo của thị trường có thể là biến động giằng co với những nhịp tăng giảm đan xen trong biên độ 1.140-1.300 điểm từ giờ cho đến hết năm nay.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau hai tuần giảm điểm, VN-INDEX tiếp tục giảm điểm mạnh trong phiên đầu tuần khi không giữ được vùng hỗ trợ quanh đường MA50 và vùng đáy cũ 1.228 điểm (mức thấp nhất ngày 09/9 và 14/09/2022). Kết phiên VN-INDEX giảm -2,32% về mức 1.205,43 điểm, áp lực bán mạnh với khối lượng gia tăng trên mức trung bình.

Xu hướng ngắn hạn của VN-INDEX tiếp tục suy yếu. Với áp lực bán hiện tại, VN-INDEX có rủi ro tiếp tục điều chỉnh về vùng 1.175-1.200 điểm, đi vào vùng quá bán ngắn hạn trong 01-02 phiên tới và có thể phục hồi trở lại. Trên góc nhìn dài hạn, thị trường vẫn đang tích lũy trên nền định giá ở mức thấp so với trung bình 5 năm gần nhất. Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý, chờ thêm các thông tin mới về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp khi Quý III/2022 gần kết thúc, các thông tin vĩ mô, tăng trưởng GDP... cũng như xu hướng của thị trường chung cải thiện tốt hơn mới xem xét gia tăng thêm tỉ trọng đầu tư đối với các mã có tiềm năng tăng trưởng tốt.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý. Duy trì tỉ trọng hợp lý, loại giảm các mã yếu kém hơn so với thị trường chung nếu có, để tái cơ cấu danh mục hiệu quả tốt hơn.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 19/9/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DCM	34.45	34-35	44-45	31	4.6	72.8%	246.7%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 34+-
CNG	37.20	37-39	50-52	35	8.5	44.7%	79.5%	Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 38.5+-

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/6/2022	TCD	13.30	10.15	14.5-15.5	13	31.03%	Bán, cơ cấu
29/6/2022	VPI	59.70	57.45	76-78	58	3.92%	Nắm giữ
4/7/2022	VCG	24.95	18.20	24-26	âê	37.09%	Nắm giữ
4/7/2022	MBB	21.00	20.25	25-26	22	3.70%	Bán, cơ cấu
12/7/2022	ASM	17.00	13.45	16.5-17	15	26.39%	Nắm giữ
14/7/2022	GVR	22.90	22.60	28-30	24	1.33%	Bán, cơ cấu
2/8/2022	PTB	59.00	61.50	75-77	63	-4.07%	Bán, dừng lỗ
11/8/2022	GAS	108.00	112.00	130-132	109	-3.57%	Bán, dừng lỗ
16/8/2022	DPR	68.50	72.40	88-90	72	-5.39%	Bán, dừng lỗ
25/8/2022	PVT	20.75	21.80	26-28	20.5	-4.82%	Nắm giữ
29/8/2022	PVS	25.00	27.10	32-34	25	-7.75%	Bán, dừng lỗ
9/9/2022	QNS	45.79	47.20	62-64	42	-2.98%	Nắm giữ
13/9/2022	IDI	21.30	21.70	25-26	20	-1.84%	Nắm giữ
15/9/2022	BWE	49.50	50.30	60-62	45	-1.59%	Nắm giữ



TIN VÍ MÔ

Ngày 19/9, khởi công tuyến đường kết nối Lai Châu với cao tốc Hà Nội - Lào Cai

Sáng 19/9, tuyến đường kết nối Lai Châu với cao tốc Hà Nội - Lào Cai dài khoảng 147 km đã được khởi công xây dựng. Theo thiết kế, tuyến kết nối thuộc gói thầu XL01 được đầu tư với quy mô cấp III miền núi, tốc độ thiết kế 60 km/h.

Cao tốc TP HCM - Mộc Bài có thể được khởi công năm sau

TP HCM đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn cho cao tốc TP HCM - Mộc Bài. Nếu việc thẩm định, phê duyệt, hoàn tất thủ tục thì cao tốc sẽ khởi công năm 2023.

Thủ tướng Phạm Minh Chính kiểm tra một số dự án chậm tiến độ ngành y tế

Theo Bộ Y tế, hiện nay khó khăn, vướng mắc lớn nhất đối với hai dự án trên là cơ chế, nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng với một số gói thầu. Chiều cùng ngày, Thủ tướng đã làm việc trực tiếp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan để bàn giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ các dự án trên.

Nghịch lý nhà thầu e ngại các gói thầu đầu tư công

Hiện nay, số nhà thầu Việt Nam có thể thực hiện được các tiêu chí để thực hiện cơ chế chỉ định thầu cũng không quá 50 nhà thầu. Các địa phương phải công bố định mức các đơn giá hàng tháng thay vì 3 tháng như hiện nay để đơn giá sát với thực tế, tạo điều kiện cho công tác thanh quyết toán, tháo gỡ khó khăn của nhà thầu.

Sửa Luật Dầu khí gỡ khó nhiều dự án, thu thêm hàng tỷ USD

Luật Dầu khí sửa đổi cho phép dự án sớm đưa vào khai thác, tăng thêm trữ lượng 70-80 triệu thùng dầu, mang về doanh thu khoảng 1-1,5 tỷ USD. Luật Dầu khí sửa đổi lần này cần cải tiến thủ tục, có cơ chế khuyến khích đầu tư để thu hút các doanh nghiệp đầu tư, tạo hiệu quả kinh tế.



TIN DOANH NGHIỆP

FPT báo lãi 8 tháng tăng 30%

Doanh thu 8 tháng hơn 27.000 tỷ đồng, tăng 24%. Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ đạt 3.409 tỷ đồng, tăng gần 30%.
Mảng xuất khẩu phần mềm có doanh thu 11.731 tỷ đồng, tăng 35%. Mảng công nghệ, doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 15.481 tỷ đồng và 2.256 tỷ đồng, tăng lần lượt 24,1% và 25%. FPT đã thực hiện được lần lượt 64% và 65% chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận cả năm.

Tracodi phát hành 990 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ

Tracodi phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng tài sản. Kỳ hạn dự kiến là 60 tháng. Công ty dự định phát hành trong quý III và quý IV năm nay. Lãi suất danh nghĩa dự kiến đối với 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm. Sau đó lãi suất được tính bằng tổng lãi suất tham chiếu công bố tại ngày xác định lãi suất có liên quan cộng biên độ 4%/năm, nhưng trong mọi trường hợp mọi trường hợp không thấp hơn 11%/năm. Tài sản đảm bảo liên quan đến công ty Sơn Long và dự án Bãi Cháy.

Xi măng Vicem Hà Tiên chốt quyền cổ tức năm 2021 bằng tiền tỷ lệ 6%

26/9 là ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức bằng tiền năm 2021. Với gần 381,6 triệu cổ phiếu đang lưu hành, đơn vị sẽ chi trả 229 tỷ đồng cho cổ đông vào ngày 26/10.

Phát hành 2 lô trái phiếu, một công ty thời trang 'lột xác' thành công ty quản lý tài sản

Tiền thân của Quản lý Tài sản Pyxis là CTCP Thời trang & May mặc Demoda. Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp của Demoda ghi nhận thay đổi lần thứ 6 vào ngày 5/1, và nhiều khả năng việc đổi tên thành Quản lý Tài sản Pyxis diễn ra trong giai đoạn này.

PVS chốt quyền trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 8%

Ngày 28/9 đăng ký cuối cùng và ngày 28/10 thực hiện thanh toán. Công ty dự chi khoảng 382 tỷ đồng để trả cổ tức năm 2021.

Hải Phát Invest công bố hoàn tất phát hành 800 tỷ đồng trái phiếu sau hơn nửa năm

Ngày 14/9, Đầu tư Hải Phát công bố phát hành thành công 2 lô trái phiếu có kỳ hạn 2 năm, với tổng giá trị 800 tỷ đồng. Trong đó, 450 tỷ đồng là lô trái phiếu phát hành ngày 24/12/2021, 350 tỷ đồng còn lại là lô trái phiếu phát hành ngày 12/1.

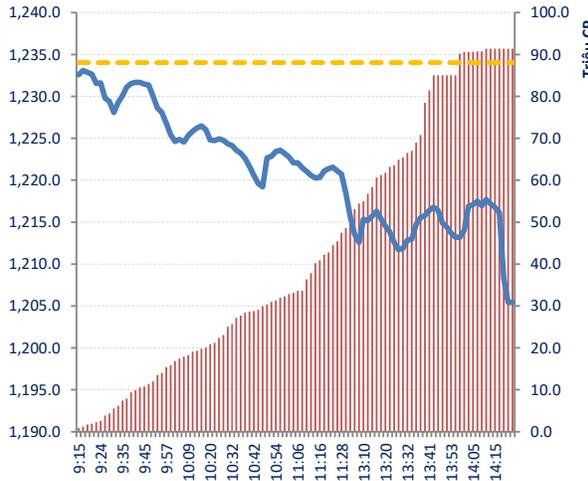
Geleximco muốn làm nhà máy sản xuất ô tô điện ở Thái Bình, quy mô 800 triệu USD, công suất 100.000 xe/năm

Lễ ký kết cho thuê lại đất, cơ sở hạ tầng giữa Tổng công ty Viglacera với Tập đoàn Geleximco để xây dựng nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô Geleximco tại khu công nghiệp Tiên Hải diễn ra sáng 17/9.
Dự án có quy mô gần 50ha, tổng mức đầu tư 800 triệu USD.

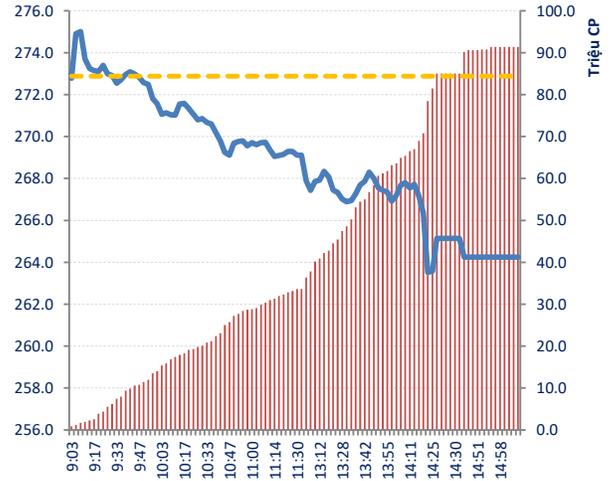


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



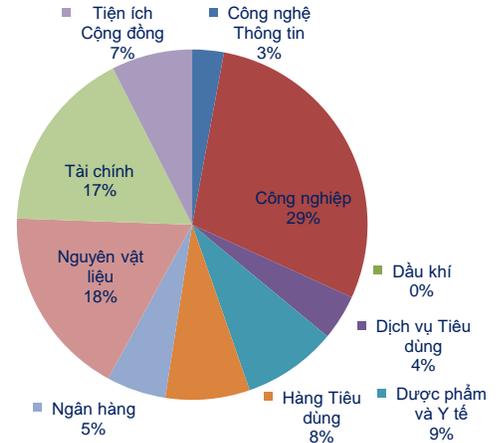
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



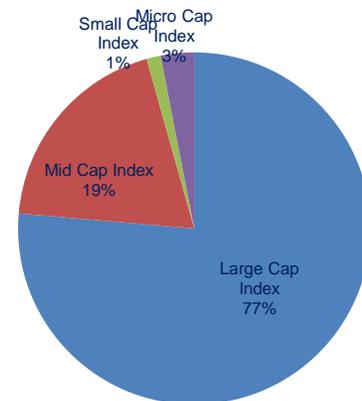
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	5,315,000	VND	1,182,400
2	VRE	756,200	HAG	647,200
3	DGC	407,700	TCH	636,300
4	VNM	390,400	SSI	530,900
5	DBC	340,900	HSG	470,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBS	61,200	IDC	207,800
2	PLC	34,900	SHS	115,600
3	PVS	22,400	NSH	90,500
4	TA9	12,200	DL1	50,000
5	NET	10,200	NAG	5,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	13.60	13.85	↑ 1.84%	36,665,800
HPG	23.00	22.65	↓ -1.52%	27,479,100
POW	14.25	13.50	↓ -5.26%	26,175,100
SSI	21.15	19.90	↓ -5.91%	22,693,700
NKG	22.20	20.65	↓ -6.98%	21,124,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	26.80	25.00	↓ -6.72%	11,786,856
SHS	11.40	10.80	↓ -5.26%	9,896,928
IDC	57.60	51.90	↓ -9.90%	9,037,659
CEO	26.70	25.80	↓ -3.37%	4,867,015
HUT	25.00	25.50	↑ 2.00%	4,372,654

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LEC	7.51	8.03	0.52	↑ 6.92%
HVX	4.34	4.60	0.26	↑ 5.99%
FUCVREIT	7.55	8.00	0.45	↑ 5.96%
HHV	14.95	15.70	0.75	↑ 5.02%
CVT	40.60	42.55	1.95	↑ 4.80%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNT	62.20	68.40	6.20	↑ 9.97%
PDB	17.20	18.90	1.70	↑ 9.88%
GDW	19.30	21.20	1.90	↑ 9.84%
HTC	23.40	25.70	2.30	↑ 9.83%
VSM	23.80	26.00	2.20	↑ 9.24%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GIL	42.20	39.25	-2.95	↓ -6.99%
KBC	30.00	27.90	-2.10	↓ -7.00%
LAF	20.00	18.60	-1.40	↓ -7.00%
TNT	7.29	6.78	-0.51	↓ -7.00%
VGC	61.50	57.20	-4.30	↓ -6.99%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CSC	76.00	68.40	-7.60	↓ -10.00%
KKC	16.00	14.40	-1.60	↓ -10.00%
ART	3.00	2.70	-0.30	↓ -10.00%
HGM	52.00	46.80	-5.20	↓ -10.00%
DIH	43.00	38.70	-4.30	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	36,665,800	14.6%	750	18.1	2.7
HPG	27,479,100	32.1%	5,164	4.5	1.3
POW	26,175,100	4.9%	668	21.3	1.0
SSI	22,693,700	13.0%	1,126	18.8	1.4
NKG	21,124,000	30.2%	6,726	3.3	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	11,786,856	4.1%	1,106	24.2	1.0
SHS	9,896,928	25.5%	1,207	9.4	1.0
IDC	9,037,659	34.0%	5,604	10.3	2.9
CEO	4,867,015	7.2%	969	27.5	2.0
HUT	4,372,654	6.1%	708	35.3	2.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LEC	↑ 6.9%	0.1%	22	346.9	0.5
HVX	↑ 6.0%	0.2%	19	229.3	0.4
FUCVREIT	↑ 6.0%	N/A	N/A	N/A	N/A
HHV	↑ 5.0%	3.7%	1,082	13.8	0.5
CVT	↑ 4.8%	12.7%	2,695	15.1	1.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNT	↑ 10.0%	12.5%	1,984	31.3	4.0
PDB	↑ 9.9%	1.7%	272	63.3	1.1
GDW	↑ 9.8%	9.4%	1,645	11.7	1.1
HTC	↑ 9.8%	8.2%	1,421	16.5	1.3
VSM	↑ 9.2%	21.5%	4,525	5.3	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	5,315,000	32.1%	5,164	4.5	1.3
VRE	756,200	4.2%	571	52.3	2.1
DGC	407,700	68.7%	13,209	7.4	3.8
VNM	390,400	26.8%	4,534	16.8	4.3
DBC	340,900	5.8%	1,126	23.4	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBS	61,200	14.4%	766	22.5	1.5
PLC	34,900	8.9%	1,485	18.7	1.7
PVS	22,400	4.1%	1,106	24.2	1.0
TA9	12,200	11.7%	1,380	10.9	1.3
NET	10,200	22.9%	4,097	13.9	3.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	378,601	21.7%	5,271	15.2	3.1
VHM	259,520	21.9%	6,510	9.2	2.0
VIC	238,371	-0.3%	(121)	-	1.8
GAS	212,448	23.6%	6,738	16.5	3.5
BID	179,578	14.6%	2,569	13.8	1.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	24,870	6.6%	1,356	61.1	3.8
IDC	19,008	34.0%	5,604	10.3	2.9
THD	16,940	13.1%	2,295	21.1	2.9
BAB	13,014	7.9%	889	18.0	1.4
PVS	12,809	4.1%	1,106	24.2	1.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CIG	3.28	8.4%	455	18.0	1.6
CKG	3.05	18.2%	2,283	12.8	2.1
MCG	3.01	-9.5%	(360)	-	1.0
HDC	3.01	22.7%	3,181	14.8	3.1
TTB	3.00	1.2%	143	32.2	0.4

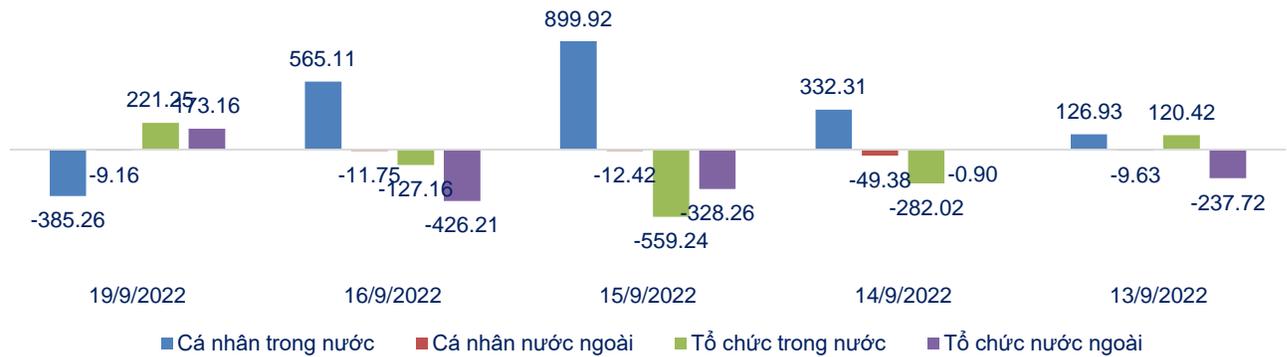
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	2.74	7.9%	741	16.7	1.2
APS	2.66	62.2%	9,839	1.5	1.1
BII	2.59	-2.9%	(318)	-	0.5
VC9	2.55	2.4%	47	241.6	88.7
VGS	2.51	17.0%	3,002	6.6	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	23.58	12.3%	371	51.3	1.6
DGW	21.43	42.9%	4,845	15.6	6.0
HDC	18.14	22.7%	3,181	14.8	3.1
POW	17.78	4.9%	668	21.3	1.0
CII	17.40	4.2%	1,430	15.5	0.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-149.57	32.1%	5,164	4.5	1.3
KBC	-48.68	1.6%	351	85.6	1.4
VNM	-46.71	26.8%	4,534	16.8	4.3
DGC	-34.74	68.7%	13,209	7.4	3.8
MWG	-33.64	23.6%	3,396	21.2	4.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDG	3.41	25.1%	5,709	8.6	2.0
VGC	3.21	23.0%	4,357	14.1	3.0
BSI	1.60	8.9%	1,047	25.8	1.9
DBC	1.08	5.8%	1,126	23.4	1.4
PC1	1.05	7.6%	2,063	19.2	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	-6.65	3.3%	633	16.8	0.6
STB	-4.33	10.3%	1,902	11.8	1.2
DGW	-2.82	42.9%	4,845	15.6	6.0
VND	-1.68	12.3%	371	51.3	1.6
HPG	-1.52	32.1%	5,164	4.5	1.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	45.78	1.6%	351	85.6	1.4
MWG	33.58	23.6%	3,396	21.2	4.7
FPT	29.84	22.3%	4,505	18.3	3.9
DIG	29.26	14.3%	1,719	19.6	2.7
HPG	27.94	32.1%	5,164	4.5	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	-18.85	4.9%	668	21.3	1.0
HVN	-13.77	0.0%	(4,476)	-	-
VPB	-13.63	19.6%	3,771	8.1	1.4
HDC	-13.54	22.7%	3,181	14.8	3.1
CII	-10.82	4.2%	1,430	15.5	0.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	123.15	32.1%	5,164	4.5	1.3
DGC	38.89	68.7%	13,209	7.4	3.8
VNM	30.73	26.8%	4,534	16.8	4.3
VCB	22.89	21.7%	5,271	15.2	3.1
VRE	22.31	4.2%	571	52.3	2.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-19.87	12.3%	371	51.3	1.6
DGW	-17.20	42.9%	4,845	15.6	6.0
SSI	-10.40	13.0%	1,126	18.8	1.4
KDH	-9.87	12.8%	1,940	17.5	2.1
HAG	-9.17	14.6%	750	18.1	2.7



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn